

한국어능력시험 응시원서 작성방법 Phương pháp điền Đơn đăng ký tham dự kiểm tra tiếng Hàn

□ 작성시 유의사항 Những điều cần chú ý khi điền

- ①~⑤번까지의 항목은 첫번째 사각박스(□)로부터 순차적으로 하나씩 기재하시고, 기재사항이 사각박스를 벗어나서는 안됩니다. Các mục từ ①~⑤ phải điền từng chữ hoặc số theo thứ tự từ ô thứ nhất, không được điền ra ngoài ô trống
- 기재사항은 영문대문자 및 숫자로 기재하며, 정자로 하여야 합니다. Hãy điền thông tin bằng CHỮ IN HOA không dấu và chữ số vào những ô cần điền
- 원서에 기재한 영문성명, 생년월일, 성별, 사진은 추후 변경할 수 없습니다. Không thể thay đổi sau khi đã khai **họ tên bằng chữ in hoa không dấu, ngày tháng năm sinh, giới tính, ảnh** trong đơn đăng ký.
- 한국어능력시험 원서의 영문성명, 생년월일, 성별이 여권과 다를 경우, 시험에 합격하더라도 명부등록 및 취업이 불가하니, 정확하게 기재하시기 바랍니다. Thí sinh cần phải khai chính xác **họ tên bằng chữ in hoa không dấu, ngày tháng năm sinh, giới tính**. Trong trường hợp những thông tin kê khai nói trên không khớp với thông tin trong hộ chiếu thì dù thí sinh đó có thi đỗ kỳ kiểm tra năng lực tiếng Hàn thì cũng không được đứng tên trong danh sách chờ xin việc và không thể xin việc ở Hàn Quốc. Chính vì vậy, thí sinh cần phải đăng ký thông tin thật chính xác.
- 응시원서의 ⑧⑫⑬⑭⑮번을 제외한 모든 항목을 빠짐없이 기재하시기 바랍니다. Phải điền đầy đủ các thông tin vào các mục trên Đơn đăng ký tham dự kiểm tra trừ mục ⑧⑫⑬⑭⑮

□ 작성방법 Hướng dẫn điền Đơn đăng ký

- ① : 여권과 동일한 성명을 영문으로 기재하십시오. Điền Họ và tên bằng CHỮ IN HOA không dấu đúng như trên Giấy CMND (họ, tên đệm và tên phải được cách nhau bằng một ô trống).
- ② : 생년월일을 예시와 같이 기재하십시오. (예시 : 03.06.1980) Điền ngày sinh đúng như ví dụ sau (Ví dụ: 03.06.1980)
- ③ : 성별을 해당란에 마킹(●) 하시오. Đánh dấu tròn vào ô trống để lựa chọn giới tính
- ④ : 구 여권번호와 신 여권번호를 기입하십시오. Điền số hộ chiếu cũ và hộ chiếu mới
- ⑤ : 전화번호를 예시와 같이 기재하십시오. (예시 : 04.37344545) Ghi số điện thoại cố định/di động (ví dụ: 04.37344545)
- ⑥ : 구직신청분야에 마킹(●) 하시오. (각각의 합격기준 등은 공고문을 참고하십시오) Hãy đánh dấu tròn vào ngành nghề muốn làm việc tại Hàn Quốc (tham khảo bản thông báo số lượng dự kiến đạt yêu cầu và tiêu chuẩn đạt yêu cầu trước khi đăng ký).
- ⑦ : 제조업을 선택한 희망자는 해당하는 세부직무분야에 반드시 마킹(●) 하시오. **Người lao động chọn sản xuất chế tạo nhất định phải đánh dấu (●) vào lĩnh vực ngành nghề chi tiết.**
- * ⑧⑫⑬⑭⑮ : 응시번호 및 시험일시 및 시험장 란은 기재하지 마시오. Không được điền vào mục ⑧⑫⑬⑭⑮
- ⑨ : 대한민국에서 E-9 및 E-10 체류자격으로 체류했던 총 기간을 합산하여 기재하십시오. Hãy tính và ghi tổng thời gian cư trú theo visa E-9 và E-10 chế độ cấp phép tuyển dụng ở Hàn Quốc.
- ⑩ : 최근 6개월 이내에 탈모·정면에서 촬영한 3.5×4.5cm 규격의 사진을 부착하십시오. Dán ảnh chụp trong vòng 6 tháng, khổ 3.5 x4.5 cm (ảnh phải rõ mặt, đầu không nghiêng, không đội mũ, không sử dụng chương trình photoshop để chỉnh sửa ảnh).
- ⑪ : 여권 또는 신분증 사본을 부착하십시오. **Dán bản photo hộ chiếu**
- ⑫ : 대한민국에서 재정착 지원 교육·훈련을 수료한 자는 해당란에 마킹(●)하고 수료증을 제출하십시오. Người hoàn thành khóa đào tạo hỗ trợ tái ổn định cuộc sống sau khi hồi hương (tại Hàn Quốc) nộp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học khi đánh dấu vào cột tương ứng.

신청일자를 기록하고 응시자 본인의 서명을 하신 후 해당창구에 접수하십시오.

Sau khi điền ngày, tháng, năm và ký tên, người đăng ký nộp lại Đơn đăng ký tham dự kiểm tra này.

한국어능력시험 접수자 유의사항 Chú ý đối với người đăng ký tham dự kiểm tra

- 한국어능력시험에 응시하고자 하는 자는 이 원서를 사용해야 합니다. Người đăng ký tham dự kiểm tra tiếng Hàn phải sử dụng Đơn này.
- 응시자가 잘못 기재한 내용으로 인하여 야기된 문제에 대해서는 책임지지 않습니다. Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào mà người dự kiểm tra viết sai hoặc thiếu trong Đơn đăng ký tham dự kiểm tra.
- 사진을 부착하지 않거나, 한국어능력시험응시원서를 사용하지 않거나, 수수료를 납부하지 않으면 원서접수를 할 수 없으며, 시험에 응시할 수 없습니다. Trường hợp không dán ảnh, sử dụng không đúng mẫu Đơn hoặc không nộp lệ phí kiểm tra sẽ không được chấp thuận đăng ký tham dự kiểm tra.

한국어능력시험 응시자 유의사항 Những điều cần chú ý đối với thí sinh tham dự kiểm tra tiếng Hàn.

- 응시자는 정해진 일시 및 시험장소에 입실하여야 합니다. Thí sinh tham dự kiểm tra phải vào phòng thi đúng thời gian và địa điểm quy định
- 응시자는 응시표, 여권(신분증), 싸인펜, 볼펜 등을 지참하여 시험실에 입실하여야 합니다. (여권(신분증)미소지자 응시불가) Khi vào phòng thi, thí sinh phải mang theo Thẻ dự kiểm tra, Giấy chứng minh nhân dân, bút bi, bút dạ màu đen (những thí sinh không mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu sẽ không được dự kiểm tra).
- 응시자는 휴대전화, 카세트플레이어, PDA, 전자사전 등을 가지고 입실할 수 없습니다. (지참 또는 사용시 부정행위자료 간주) Những thí sinh mang điện thoại di động, đài cát-xét, PDA, kim từ điển sẽ không được vào phòng thi. (Khi mang hay sử dụng, đánh giá như người gian lận trong thi cử.)
- 부정행위자로 적발된 경우는 당해시험을 무효로 하고, 적발된 날로부터 3년간 한국어능력시험에 응시할 수 없습니다. Trường hợp phát hiện có hành vi gian lận trong quá trình làm bài sẽ bị đình chỉ ngay và sẽ không được tham dự kiểm tra tiếng Hàn trong 3 năm tính từ ngày bị phát hiện có hành vi gian lận.
- 원서의 영문성명, 생년월일, 성별은 추후 변경할 수 없으며, 여권과 일치하지 않을 경우 시험에 합격하더라도 명부등록 및 한국에 취업할 수 없습니다. 기재사항 착오로 인한 불이익은 전적으로 응시자의 책임임을 알립니다. Không thể sửa chữa thông tin sau khi đã khai **họ tên bằng chữ in hoa không dấu, ngày tháng năm sinh, giới tính**. Trong trường hợp những thông tin này không khớp với thông tin trong hộ chiếu thì dù thí sinh đó có thi đỗ kỳ kiểm tra năng lực tiếng Hàn thì cũng **không được đứng tên trong danh sách chờ xin việc và không thể xin việc ở Hàn Quốc**. Thí sinh phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin kê khai.

(Ngũ Lão Ng không phi in)